

ĐIỀU CHỈNH CUỐI PHIÊN

VN-Index 1.266,91
 ID (1,54) (0,12%)
 YTD 0,13 0,0%
 GTGD (tỷ đồng) 11.300
 NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng) (408,7)
 Vốn hóa (Tỷ đồng) 5.299.484



HNX-Index 229,32
 ID 0,45 0,20%
 YTD 1,89 0,83%
 GTGD (tỷ đồng) 698,09
 NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng) (9,53)
 Vốn hóa (Tỷ đồng) 374.255



Upcom-Index 96,80
 ID 0,05 0,05%
 YTD 1,74 1,83%
 GTGD (tỷ đồng) 697,81
 NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng) (1,64)
 Vốn hóa (Tỷ đồng) 1.504.822



2 209 93 226

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường: Kết phiên giao dịch, VN-Index giảm 1,54 điểm (-0,12%) về mức 1.266,91 điểm; HNX-Index tăng 0,45 điểm (+0,20%) lên mức 229,32 điểm; Upcom tăng 0,05 điểm (+0,05%) lên mức 96,80 điểm. Thanh khoản VN-Index đạt 506,16 triệu cổ phiếu, tương đương 11.300 tỷ VND, giảm 19,49% so với phiên hôm trước và giảm 20,87% so với trung bình 5 phiên.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 409 tỷ đồng trên HOSE. Lực bán ròng tập trung ở cổ phiếu MWG, HPG, VHM... Ở phía ngược lại, lực mua ròng tập trung ở các cổ phiếu VNM, VCG, VTP...

Chiến lược giao dịch: Thị trường ghi nhận phiên giao dịch tích cực vào phiên sáng, tuy nhiên phiên chiều bắt đầu có sự điều chỉnh nhẹ dưới mốc tham chiếu, Bảo hiểm và Đầu tư công là nhóm ngành dẫn dắt thị trường không bị điều chỉnh mạnh. Việc nhà đầu tư ngoại chưa chấm dứt đà bán ròng khiến tâm lý phân vân tiếp tục hiện diện. Dự báo, thị trường sẽ tiếp tục dao động trong biên độ 1.265-1.275 điểm, vừa là thời gian tích lũy, vừa là cơ hội để dòng tiền mới gia nhập, tạo nền tảng vững chắc trước khi tiếp tục đà tăng. NĐT có thể giải ngân dần vào các mã có động lực tăng ổn định và KQKD 2024 tích cực

Về kỹ thuật: VN-Index đang trong quá trình test lại vùng 1.265-1.280 điểm trong bối cảnh chỉ báo ADX tiếp tục suy yếu cho thấy diễn biến đi ngang.

Top mã CP NN mua ròng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|---------|---------|------|
| VNM | 51,90 | 61.000 | 0,99 |
| VCG | 51,17 | 21.550 | 3,36 |
| VTP | 35,19 | 161.100 | 3,87 |
| MSN | 32,03 | 69.000 | 0,44 |
| KBC | 31,82 | 29.000 | 0,35 |

Top mã CP NN bán ròng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|---------|--------|-------|
| MWG | 111,66 | 56.400 | 0,00 |
| HPG | 50,57 | 25.850 | -0,96 |
| VHM | 46,21 | 38.000 | 0,66 |
| HCM | 42,75 | 29.000 | 0,17 |
| VCB | 38,14 | 91.500 | -0,44 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|----------|-----------|
| Xu hướng ngày | - | Đi ngang |
| Xu hướng tuần | - | Tăng |
| Xu hướng tháng | - | Đi ngang |
| RSI 14 | 55,22 | Mua |
| MFI | 63,11 | Mua |
| MA10 | 1.265,73 | Mua |
| MA20 | 1.253,20 | Mua |
| MA50 | 1.257,57 | Mua |
| MA100 | 1.259,89 | Mua |

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

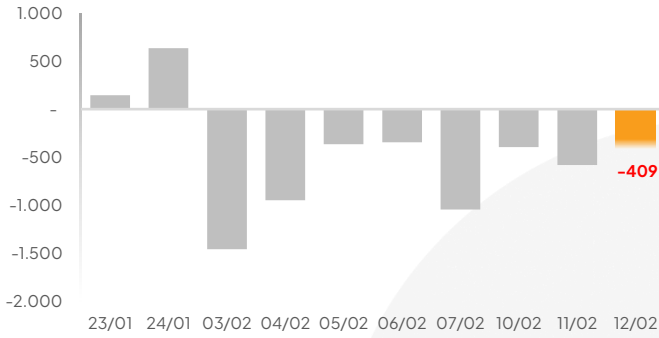
VN-Index giảm 1,54 điểm (-0,12%) về mức 1.266,91 điểm; HNX-Index tăng 0,45 điểm (+0,20%) lên mức 229,32 điểm; Upcom tăng 0,05 điểm (+0,05%) lên mức 96,80 điểm

Thanh khoản VN-Index hôm nay đạt 506,16 triệu cổ phiếu, tương đương 11.300 tỷ VND, giảm 19,49% so với phiên hôm trước và giảm 20,87% so với trung bình 5 phiên.

Về mức độ ảnh hưởng, LPB (+0,95%); VNM (+0,99%); EIB (+1,32%) là những mã có tác động tích cực nhất.

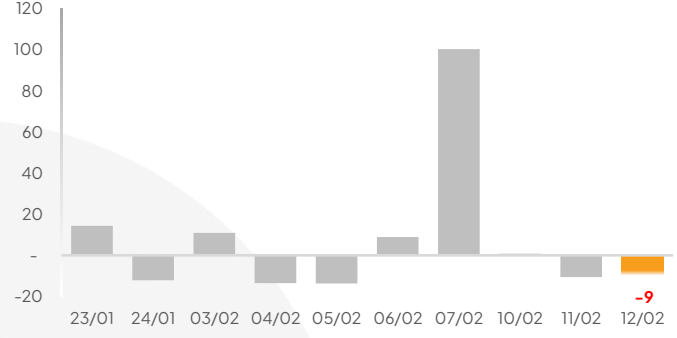
Khối ngoại bán ròng trên HOSE

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài VN-Index [tỷ VND]



Khối ngoại bán ròng trên HNX

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài HNX-Index [tỷ VND]

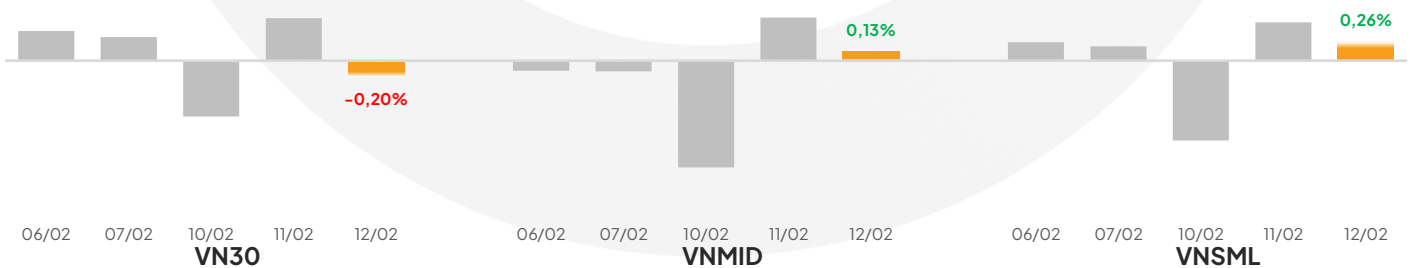


Khối ngoại ghi nhận bán ròng gần 409 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Lực mua ròng tiếp tục tập trung ở cổ phiếu VCG, MSN, theo sau là cổ phiếu VNM, VTP, KBC, ... Ở chiều ngược lại, lực bán ròng tiếp tục tập trung ở cổ phiếu MWG, VHM, theo sau là cổ phiếu HPG, HCM, VCB ...

Thị trường ghi nhận giảm điểm nhẹ kết phiên phiên ở mức 1.266,91 điểm. Lực cầu chiếm ưu thế xuyên suốt phiên duy trì sắc xanh ở phần lớn của độ rộng thị trường. Tuy vậy, dòng tiền tham gia suy yếu so với các phiên trước cùng với lực bán quay lại tạo áp lực lên nhóm cổ phiếu Ngành Ngân hàng cùng với việc khối ngoại tiếp tục với hoạt động bán ròng tạo áp lực lên tâm lý chung. Do vậy, lực cầu dẫn suy yếu vào phiên chiều đưa chỉ số về dưới mức tham chiếu kết phiên -1,54 điểm. **Về kỹ thuật**, chỉ số VN-Index thành công bảo vệ mức kết phiên trong vùng cản 1.265 - 1.270 điểm và bảo vệ thành công mốc MA10 ngày sau khi chịu áp lực khi tiến vào vùng 1.270 - 1.275 điểm. Chỉ báo kỹ thuật MACD tiếp tục với tín hiệu giảm giá và thanh khoản suy yếu dưới mốc MA20 ngày. Nhà đầu tư ưu tiên giữ tỷ trọng vừa phải, có thể ưu tiên tìm điểm mua cho những cổ phiếu đạt chỉ tiêu trong năm 2024 và duy trì được đà tăng trưởng. Trong trường hợp chỉ số di chuyển xuống dưới mốc 1.265 điểm, nhà đầu tư có thể giảm tỷ trọng nhằm bảo vệ thành quả.

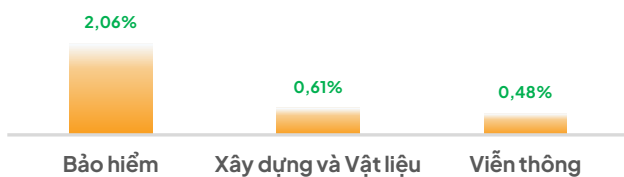
Nhóm cổ phiếu Bluechip của chỉ số VN-Index ghi nhận giảm trong phiên hôm nay.

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số (%)



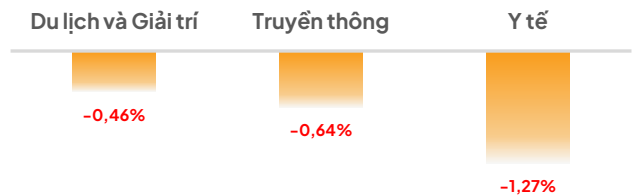
Ngành Bảo hiểm tăng mạnh ...

Top 3 ngành diễn biến tích cực nhất (%)



Ngành Y tế giảm mạnh

Top 3 ngành tác động ít tích cực nhất (%)



Ngành Bả hiểm ghi nhận đà tăng tích cực nhất trong phiên hôm nay dẫn dắt bởi cổ phiếu BVH (+0,30 điểm), là cổ phiếu tác động tích cực nhất lên chỉ số VN-Index. Theo sau là Ngành.Xây dựng & Vật liệu dẫn dắt bởi cổ phiếu GEE (+0,22 điểm). Ngành Viễn thông lọt top tích cực nhưng không ghi nhận được cổ phiếu tác động lớn lên chỉ số VN-Index. Ở chiều ngược lại, Ngành Y tế là ngành tiêu cực nhất phiên hôm nay, theo sau là Ngành Truyền thông và Ngành Du lịch và Giải trí nhưng cả ba ngành lọt top ít tích cực đều không ghi nhận được cổ phiếu tác động lớn lên chỉ số VN-Index. Ngành Ngân hàng ghi nhận giảm điểm chịu áp lực bởi cổ phiếu BID (-0,74 điểm), là cổ phiếu tác động tiêu cực nhất trong phiên hôm nay, VCB (-0,53 điểm), MBB (-0,44 điểm), ...

THÔNG TIN VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

Sau Việt Nam, Singapore và Philippines, Indonesia là quốc gia Đông Nam Á tiếp theo công bố tăng trưởng kinh tế năm 2024.

Theo số liệu được Cơ quan thống kê Indonesia công bố, năm 2024, nền kinh tế Indonesia ghi nhận tăng trưởng GDP đạt 5,03%, gần tương đương với tốc độ tăng trưởng của năm 2023 (5,05%). Song, tăng trưởng của năm 2024 lại là mức tăng trưởng thấp nhất của quốc gia này trong ba năm trở lại đây. Kể từ đại dịch COVID-19, tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á chỉ dao động quanh mức 5%.

Tính riêng quý 4/2024, GDP của Indonesia tăng 5,02%, không thay đổi nhiều so với mức tăng trưởng 4,95% quốc gia này đã đạt được trong quý 3/2024. Trong đó, tiêu dùng hộ gia đình, lĩnh vực vốn chiếm hơn một nửa GDP của Indonesia, tăng 4,98% so với cùng kỳ năm ngoái trong bối cảnh chi tiêu cho kỳ nghỉ lễ. Đầu tư tăng 5,03% so với cùng kỳ.

Theo các chuyên gia phân tích, một số động lực tăng trưởng tích cực đã góp phần giúp nền kinh tế Indonesia đạt kết quả 5,03% gồm việc ngân hàng trung ương cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản kể từ tháng 9 và các ưu đãi của Chính phủ như cắt giảm thuế tài sản và tăng lương tối thiểu. Bên cạnh đó, lĩnh vực đầu tư ghi nhận tăng trưởng ở mức 4,61% trong năm 2024 so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất trong sáu năm trở lại đây. Song, giới chuyên gia cũng cho rằng, sự leo thang trở lại của các tranh chấp thương mại toàn cầu đặt ra thách thức trong những năm tới, làm gia tăng sự bất ổn trong kinh doanh.

Tháng trước, Ngân hàng Indonesia (BI) đã trích dẫn viễn cảnh thuế quan của Hoa Kỳ làm gián đoạn hoạt động thương mại và làm suy yếu nhu cầu toàn cầu khi hạ dự báo tăng trưởng năm 2025 xuống mức 4,7%-5,5% từ mức 4,8%-5,6%. Chuyên gia kinh tế Ryota Abe của SMBC cho biết: "Do doanh số bán ô tô yếu hơn dự kiến cho thấy nhu cầu đối với hàng hóa bền vững chậm chạp, Ngân hàng Indonesia (BI) có thể sẽ cân nhắc cắt giảm lãi suất nhiều hơn để hỗ trợ nền kinh tế", đồng thời lưu ý rằng ngân hàng này cũng sẽ tập trung vào việc cố gắng giữ đồng rupiah ổn định so với đồng đô la Mỹ.

Trước đó, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam trong quý 4/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn quý 4 các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý 1 tăng 5,98%, quý 2 tăng 7,25%, quý 3 tăng 7,43%).

Thông tin Doanh nghiệp

GEE: Quý 4/2024, GELEX Electric ghi nhận doanh thu tăng 31,5% so với cùng kỳ, đạt hơn 6.500 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 586,5 tỷ đồng, tăng 442,3% so với cùng kỳ 2024 và là mức cao nhất kể từ khi lên sàn chứng khoán. Lũy kế cả năm 2024, GELEX Electric ghi nhận doanh thu đạt 21.129 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt gần 1.600 tỷ đồng, lần lượt tăng 27% và 114% so với cùng kỳ năm 2023. Đây đều là những con số kỷ lục đối với doanh nghiệp này. Trong một diễn biến khác, ngày 17/1 vừa qua, GELEX Electric đã chi 300 tỷ đồng trả cổ tức đợt 1/2024 với tỷ lệ 10% bằng tiền theo danh sách chốt ngày 30/12/2024. Trong đó, công ty mẹ là GELEX "bò tui" gần 240 tỷ đồng nhờ nắm giữ gần 240 triệu cổ phiếu GEE.

LPB: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường của LPBS vừa diễn ra nhằm thông qua các quyết định quan trọng liên quan đến công tác nhân sự cấp cao của doanh nghiệp. Với sự đồng thuận của các cổ đông, ông Nguyễn Duy Khoa đã được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị (HDQT). Ngay sau Đại hội, HĐQT LPBS đã họp và nhất trí bầu ông Nguyễn Duy Khoa giữ chức Chủ tịch HĐQT. Theo thông báo, trong bối cảnh thị trường chứng khoán mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng, LPBS đặt mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần. Với nền tảng chuyên môn vững chắc và bề dày kinh nghiệm, Tân Chủ tịch HĐQT sẽ giữ vai trò chủ chốt trong việc hiện thực hóa chiến lược đã đề ra. Ông sẽ dẫn dắt LPBS triển khai các giải pháp tài chính đột phá, phát triển danh mục sản phẩm chứng khoán đa dạng, đồng thời củng cố quan hệ với các đối tác chiến lược. Những mục tiêu trên không chỉ giúp LPBS gia tăng thị phần mà còn khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|

Danh mục theo dõi

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|----------|-----------|--|--|--------|--------|--|--|--|
| 1 | DPG | Theo dõi | 45,5-46,5 | | | 53.000 | 43.500 | | | |
| 2 | DXG | Theo dõi | 14,7-14,1 | | | 18.000 | 14.000 | | | |
| 3 | BMI | Theo dõi | 20,4-20,7 | | | 23.000 | 19.500 | | | |

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|---------|-----------|------------|--------|--------|--------|--|--|-------|
| 1 | HAG | Nắm giữ | 11,8-12,4 | 30/12/2024 | 11.800 | 16.900 | 11.600 | | | 4,2% |
| 2 | TCB | Nắm giữ | 23,5-23,9 | 09/01/2025 | 23.750 | 27.000 | 22.500 | | | 8,2% |
| 3 | VCG | Nắm giữ | 17,5-17,8 | 10/01/2025 | 18.000 | 20.900 | 16.800 | | | 19,7% |
| 4 | ACB | Nắm giữ | 24,6-25,0 | 15/01/2025 | 24.650 | 28.000 | 23.600 | | | 4,1% |
| 5 | VPB | Nắm giữ | 18,8-19,2 | 17/01/2025 | 18.300 | 22.200 | 18.000 | | | 3,3% |
| 6 | VIB | Nắm giữ | 19,2-19,6 | 17/01/2025 | 19.650 | 22.500 | 18.400 | | | 4,3% |
| 7 | GMD | Nắm giữ | 61,0-62,0 | 20/01/2025 | 61.900 | 72.000 | 58.500 | | | -2,1% |
| 8 | PVD | Nắm giữ | 22,5-23,3 | 23/01/2025 | 23.100 | 26.000 | 21.700 | | | 1,5% |
| 9 | STB | Nắm giữ | 35,5-36,3 | 23/01/2025 | 36.450 | 41.000 | 34.100 | | | 6,0% |
| 10 | IDC | Nắm giữ | 53,8-54,5 | 3/2/2025 | 54.200 | 60.000 | 51.500 | | | -0,7% |
| 11 | LCG | Nắm giữ | 10,2-10,4 | 4/02/2025 | 10.500 | 12.000 | 9.800 | | | 4,8% |
| 12 | PLX | Nắm giữ | 39,0-39,8 | 10/02/2025 | 39.600 | 44.000 | 37.500 | | | 4,4% |
| 13 | MBS | Nắm giữ | 27,0-27,5 | 11/02/2025 | 27.400 | 31.500 | 26.000 | | | 0,4% |
| 14 | DDV | Nắm giữ | 18,1-18,5 | 12/02/2025 | 18.600 | 22.000 | 17.400 | | | 2,7% |
| 15 | BMI | Nắm giữ | 20,4-20,7 | 12/02/2025 | 20.500 | 23.000 | 19.500 | | | 2,9% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1 | CTG | Chốt lời | 33,2-33,7 | 21/11/2024 | 33.600 | 36.800 | 31.900 | 31/12/24 | 38.700 | 15,2% |
| 2 | CTD | Chốt lời | 64,8-66,0 | 03/12/2024 | 65.500 | 75.000 | 62.100 | 03/01/25 | 69.900 | 6,7% |
| 3 | PNJ | Chốt lời | 92,8-93,5 | 04/12/2024 | 93.500 | 108.000 | 88.600 | 03/01/25 | 97.900 | 4,7% |
| 4 | REE | Chốt lời | 65,0-66,3 | 17/12/2024 | 66.000 | 73.000 | 62.300 | 03/01/25 | 67.300 | 2,0% |
| 5 | MWG | Cắt lỗ | 60,0-61,0 | 25/12/2024 | 61.300 | 80.000 | 57.500 | 03/01/25 | 60.700 | -1,0% |
| 6 | MSB | Chốt lời | 11,2-11,5 | 25/12/2024 | 11.300 | 13.000 | 10.850 | 03/01/25 | 11.550 | 2,2% |
| 7 | DGC | Chốt lời | 106-108 | 06/11/2024 | 107.400 | 124.000 | 103.000 | 06/01/25 | 116.000 | 7,5% |
| 8 | DBC | Chốt lời | 26,6-27,0 | 17/12/2024 | 26.800 | 30.500 | 25.500 | 06/01/25 | 27.950 | 3,5% |
| 9 | IDC | Cắt lỗ | 55,6-56,5 | 18/12/2024 | 56.200 | 64.500 | 53.100 | 06/01/25 | 55.400 | -1,6% |
| 10 | CTR | Chốt lời | 122-125,5 | 30/12/2024 | 122.000 | 145.000 | 117.700 | 10/01/25 | 127.500 | 4,2% |
| 11 | PAN | Chốt lời | 22,2-22,8 | 10/12/2024 | 22.450 | 25.800 | 21.400 | 20/01/25 | 25.900 | 15,4% |
| 12 | VGC | Chốt lời | 43,0-44,0 | 24/12/2024 | 44.000 | 54.000 | 41.500 | 20/01/25 | 49.750 | 13,1% |
| 13 | PLX | Chốt lời | 37,5-38,2 | 08/01/2025 | 37.400 | 44.700 | 36.000 | 22/01/25 | 39.900 | 6,7% |
| 14 | BVH | Chốt lời | 48,3-49,3 | 13/01/2025 | 49.000 | 56.000 | 46.400 | 22/01/25 | 52.100 | 6,3% |
| 15 | BCM | Chốt lời | 67,5-69,5 | 27/12/2024 | 68.800 | 82.300 | 64.900 | 06/02/25 | 72.400 | 4,4% |
| 16 | BAF | Chốt lời | 26,8-27,3 | 24/01/2025 | 27.200 | 30.000 | 25.700 | 06/02/25 | 28.100 | 3,1% |
| 17 | HPG | Chốt lời | 25,6-26,0 | 25/11/2024 | 26.000 | 29.600 | 24.500 | 10/02/25 | 26.500 | 1,9% |
| 18 | KBC | Chốt lời | 27,1-27,6 | 27/11/2024 | 27.500 | 31.500 | 26.000 | 10/02/25 | 29.050 | 5,6% |
| 19 | NLG | Chốt lời | 31,8-32,3 | 16/01/2025 | 32.200 | 38.000 | 30.400 | 10/02/25 | 34.400 | 6,8% |
| 20 | ACV | Chốt lời | 120,0-123,0 | 23/01/2025 | 121.000 | 135.000 | 115.000 | 10/02/25 | 123.700 | 2,2% |
| 21 | HAX | Chốt lời | 16,0-16,5 | 17/01/2025 | 16.500 | 18.500 | 15.400 | 12/02/25 | 17.200 | 4,2% |

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.